

Báo cáo thường niên 2013

Thông tin chung

1. Thông tin khái quát về VIB
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Cơ cấu quản trị
5. Định hướng phát triển

Tình hình hoạt động trong năm 2013

1. Các kết quả kinh doanh chính

Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2014

1. Một số mục tiêu chủ yếu
2. Các định hướng kinh doanh chính của VIB năm 2014

Báo cáo quản trị năm 2013

1. Hoạt động của HĐQT
2. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

1. Ý kiến của Kiểm toán viên
2. Báo cáo tài chính hợp nhất
3. Thuyết minh Báo cáo tài chính

THÔNG TIN CHUNG

1 THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ VIB

2 QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

3 NGÀNH NGỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

4 CƠ CẤU QUẢN TRỊ

5 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Thông tin chung

Thông tin khái quát về VIB

- Tên doanh nghiệp (tiếng Việt):
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM
- Tên doanh nghiệp (tiếng Anh):
VIETNAM INTERNATIONAL COMMERCIAL JOINT STOCK BANK
- Tên giao dịch (tên viết tắt): VIB
- Địa chỉ: Tầng 1, 6, 7 Tòa nhà CornerStone,
16 Phan Chu Trinh, Phường Phan Chu Trinh,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: 04. 6 276 0068 / Fax: 04. 6 276 0069
- Email: vib@vib.com.vn / Website: www.vib.com.vn
- Giấy CN ĐKKD số: 0100233488. Ngày cấp: 14/2/1996
Cơ quan cấp: Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội
- Tên người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Khắc Vỹ
Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần

Quá trình hình thành và phát triển

Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (VIB) được thành lập ngày 18 tháng 9 năm 1996. Trong 18 năm thành lập và phát triển, VIB đã trải qua nhiều sự kiện quan trọng:

• Năm 1996

- Ngày 18/9/1996, Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam, tên viết tắt là Ngân hàng Quốc Tế (VIB) bắt đầu đi vào hoạt động với số vốn điều lệ ban đầu là 50 tỷ đồng và 23 cán bộ nhân viên. Trụ sở đầu tiên đặt tại số 5 Lê Thánh Tông, Hà Nội.

• Năm 2006

- Sau 10 năm thành lập, VIB tăng vốn điều lệ lên 1.000 tỷ đồng. Cũng trong năm này, VIB vinh dự được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước tặng bằng khen.

• Năm 2007

- VIB tăng vốn điều lệ lên 2.000 tỷ đồng với mạng lưới kinh doanh đạt 82 đơn vị. VIB được xếp hạng 3 trong 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam do Vietnam Report và báo Vietnamnet bình chọn.

• Năm 2009

- VIB ký thỏa thuận hợp tác toàn diện với ngân hàng Commonwealth Bank of Australia (CBA).

- Trong năm này, VIB cũng đã tăng vốn điều lệ lên 3.000 tỷ đồng, chính thức ra mắt dự án Tái định vị thương hiệu mới và triển khai nhiều dự án phục vụ chiến lược kinh doanh mới giai đoạn 2009 - 2013.

• Năm 2010

- Ngân hàng Commonwealth Bank of Australia (CBA) - ngân hàng hàng đầu của Úc đã chính thức trở thành cổ đông chiến lược của VIB với tỉ lệ sở hữu cổ phần ban đầu là 15%. VIB tăng vốn điều lệ lên 4.000 tỷ đồng, mạng lưới kinh doanh đạt trên 130 đơn vị tại 27 tỉnh, thành trên cả nước.

• Năm 2011

- VIB nhận cờ thi đua của Ngân hàng Nhà nước và Thủ tướng Chính phủ. CBA đầu tư thêm vốn vào VIB, tăng tỷ lệ sở hữu cổ phần tại VIB lên 20%.

• Năm 2012

- VIB nhận giải thưởng "Ngân hàng phát hành tốt nhất khu vực Đông Á - Thái Bình Dương" trong chương trình Tài trợ thương mại toàn cầu của IFC.

• Năm 2013

- VIB nhận giải thưởng "Doanh nghiệp thực hiện tốt trách nhiệm An sinh xã hội và phát triển cộng đồng".
- VIB nhận giải thưởng về chất lượng soạn điện thanh toán chuẩn năm 2012 (High Straight - Through Rate for Payment Processing) của HSBC toàn cầu.
- VIB chuyển Hội sở chính về địa chỉ mới tại Tầng 1, 6, 7, tòa nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- VIB xếp hạng 89 trong Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam và xếp hạng 22 trong Top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam năm 2013.
- VIB nhận giải thưởng Ngân hàng phát hành tốt nhất khu vực Châu Á và Thái Bình Dương năm 2013 trong Chương trình Tài trợ Thương mại Toàn cầu (GTFP) của IFC.
- VIB nhận danh hiệu thương hiệu mạnh Việt Nam 2013, do Thời báo Kinh tế Việt Nam và Cục Xúc tiến thương mại (Bộ Công Thương) trao tặng.

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh chính: Tài chính, Ngân hàng, Bảo hiểm.
- Chi nhánh, Văn phòng đại diện: 151 chi nhánh tại 27 tỉnh/

thành trong cả nước.

Cơ cấu quản trị

Cơ cấu quản trị ngân hàng

Hội đồng quản trị (HĐQT)

- Ông Đặng Khắc Vỹ - Chủ tịch HĐQT
- Ông Đặng Văn Sơn - Phó Chủ tịch HĐQT
- Ông Hàn Ngọc Vũ - Thành viên HĐQT kiêm TGD
- Ông Đỗ Xuân Hoàng - Thành viên HĐQT
- Ông Trần Nhất Minh - Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD thường trực
- Ông Gary Lynton Mackrell - Thành viên HĐQT
- Ông Ronal Wayne Hoy - Thành viên HĐQT
- Ông Bradley Charles LaLonde - Thành viên độc lập HĐQT

Ban kiểm soát

- Ông Trịnh Thanh Bình - Trưởng BKS
- Bà Nguyễn Lương Thị Bích Thủy - Thành viên BKS
- Ông Daniel Andrew Bilski - Thành viên BKS

Ban Điều hành

- Ông Hàn Ngọc Vũ - TGD, thành viên HĐQT
- Ông Trần Nhất Minh - Phó TGD thường trực, thành viên HĐQT
- Ông Lê Quang Trung - Phó TGD kiêm GD Khối Nguồn vốn và Ngoại hối
- Ông Ân Thanh Sơn - Phó TGD kiêm Giám đốc Ban Pháp chế và Quản trị doanh nghiệp
- Ông Loic Faussier - Phó TGD kiêm Giám đốc Khối Quản trị rủi ro
- Bà Vương Thị Huyền - Giám đốc Khối KHDN
- Ông Rahn Wood - Giám đốc Khối Ngân hàng bán lẻ
- Bà Đặng Thị Phương Diễm - Giám đốc Khối Nghiệp vụ tổng hợp
- Ông Hồ Văn Long - Giám đốc Tài chính
- Bà Nguyễn Thị Thu Giao - Giám đốc Ban Nhân sự
- Ông Lưu Danh Đức - Giám đốc Trung tâm Dịch vụ và Công nghệ ngân hàng
- Ông David Goddard - Giám đốc Chiến lược và Phát triển Kinh doanh

Các công ty con, công ty liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Ngân hàng có hai (2) công ty con như sau:

1. Tên công ty: Công ty TNHH một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt nam (VIB AMC).
Giấy phép hoạt động: 0104009004 ngày 29 tháng 12 năm 2009 cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội.
Lĩnh vực hoạt động: Quản lý Nợ và Tài sản.
Tỷ lệ sở hữu của Ngân hàng: 100%.
2. Tên công ty: Công ty TNHH VIBank - Ngô Gia Tự.
Giấy phép hoạt động: 0101751475 ngày 19 tháng 2 năm 2014 cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội.
Lĩnh vực hoạt động: Đầu tư xây dựng công trình dân dụng.
Tỷ lệ sở hữu của Ngân hàng: 100%.

Định hướng phát triển

• Mục tiêu

Trở thành Ngân hàng có trải nghiệm khách hàng tốt nhất tại Việt Nam.

• Tầm nhìn

Trở thành Ngân hàng sáng tạo và hướng tới Khách hàng nhất Việt Nam.

• Giá trị cốt lõi

- Hướng tới khách hàng
- Nỗ lực vượt trội
- Trung thực
- Tinh thần đồng đội
- Tuân thủ kỷ luật

• Sứ mệnh

- Đối với Khách hàng: Vượt trội trong việc cung cấp các giải pháp sáng tạo nhằm thỏa mãn tối đa nhu cầu khách hàng.
- Đối với nhân viên: Xây dựng văn hóa hiệu quả, tinh thần doanh nhân và môi trường làm việc hiệu quả.
- Đối với cổ đông: Mang lại các giá trị hấp dẫn và bền vững cho cổ đông.
- Đối với cộng đồng: Tích cực đóng góp vào sự phát triển cộng đồng.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2013

1 CÁC KẾT QUẢ KINH DOANH CHÍNH

Tình hình hoạt động trong năm 2013

Năm 2013 tiếp tục là một năm khó khăn đối với ngành ngân hàng nói riêng và nền kinh tế nói chung. Trong bối cảnh trên, VIB đã tiếp tục triển khai các định hướng chiến lược của mình theo 3 trục tăng trưởng-quản trị

rủi ro-năng suất lao động và đã đạt được một số thành tựu nhất định trong năm 2013.

Các kết quả kinh doanh chính

Chỉ tiêu	Thực hiện 2013	Thực hiện 2012	% Tăng/ giảm	Kế hoạch 2013
Tổng tài sản	76.875	65.023	18,2%	75.485
Huy động vốn	43.239	40.062	7,9%	52.775
Dư nợ (gồm Trái phiếu DN)	37.553	35.872	4,7%	39.100
Tỷ lệ nợ xấu	2,82%	2,62%	7,63%	
Trích lập dự phòng trong năm	871	744	17%	
Vốn điều lệ	4.250	4.250	0,0%	4.250
Hệ số an toàn vốn (CAR)	18,0%	19,4%	-7,2%	
Lợi nhuận trước thuế	81	701	-88,4%	1.186
ROE (trước thuế)	1,00%	8,50%	-88,2%	13,90%
Đầu tư tài sản	134	132	1,5%	376

Đơn vị tính: Tỷ đồng,%

Chi tiết xem tại Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán.

Số thực hiện 2013 đã hợp nhất kết quả kinh doanh của các công ty con.

Đánh giá chung

Nếu xét về các chỉ tiêu tài chính ngắn hạn, VIB không đạt được một số chỉ tiêu cơ bản của năm 2013 như đã nêu ở trên. Tuy nhiên, tính về trung và dài hạn ngân hàng có những bước tiến quan trọng đáng kể trong công tác xây dựng hệ thống, thay đổi cơ sở khách hàng, xây dựng được một tập thể cán bộ nhân viên tâm huyết, đoàn kết và có năng lực chuyên môn tốt tạo nền tảng cho sự phát triển của giai đoạn sắp tới.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2014

1 MỘT SỐ MỤC TIÊU CHỦ YẾU

2 CÁC ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH CHÍNH CỦA VIB NĂM 2014

Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2014

Trên cơ sở kết quả kinh doanh năm 2013 và định hướng chiến lược đã đề ra. Hội đồng quản trị trình Đại hội một số chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2014 như sau:

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2014	Thực hiện 2013	% Tăng
Tổng tài sản	87.559	76.875	14%
Huy động vốn	52.130	43.239	19%
Dư nợ, phương án 1 (ghi chú 1)	42.470	37.553	13%
Dư nợ, phương án 2 (ghi chú 1)	47.356	37.553	26%
Lợi nhuận trước thuế (ghi chú 2)	323	81	299%
Đầu tư mua sắm tài sản (ghi chú 2)	291	134	117%

Đơn vị tính: Tỷ đồng,%

Ghi chú 1: Dư nợ bao gồm cả trái phiếu doanh nghiệp.

- Phương án 1 là phương án tăng trưởng tín dụng dựa vào những quy định hiện tại của NHNN, theo đó VIB chỉ được tăng trưởng tín dụng ở mức 13% so với năm 2013
- Phương án 2 là phương án tăng trưởng tín dụng dựa theo khả năng thực tế của VIB ở mức trên 13%, với điều kiện có các phê duyệt bổ sung của NHNN. (Trong Q1/2013, chỉ thị của NHNN cho phép VIB tăng tín dụng ở mức 9% tuy nhiên trong năm VIB nhận được chấp thuận của NHNN tăng tín dụng ở mức 20%).

Trong bối cảnh môi trường kinh tế có nhiều biến động, trong năm 2014 ban lãnh đạo VIB tiếp tục áp dụng bộ khung theo 3 yếu tố gồm tăng trưởng, hiệu suất và quản lý rủi ro trong đó tập trung vào 6 lĩnh vực chính:

- Tăng trưởng doanh thu bền vững
- Dịch vụ khách hàng vượt trội

Ghi chú 2: Kế hoạch lợi nhuận trước thuế và đầu tư mua sắm tài sản chưa phản ánh kết quả kinh doanh của công ty con của VIB là Công ty TNHH VIBANK-NGT do VIB đang trong quá trình thực hiện yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước về việc đưa tỷ lệ sở hữu của VIB tại Công ty này xuống dưới 11% theo quy định của Luật TCTD 2010, HĐQT sẽ xây dựng phương án kinh doanh của công ty này phù hợp với lộ trình này và sẽ báo cáo ra ĐHĐCĐ vào kỳ họp gần nhất.

- Sự gắn kết của cán bộ nhân viên
- Mô hình hoạt động vượt trội
- Quản lý rủi ro
- Duy trì bảng cân đối tài sản vững mạnh

BÁO CÁO QUẢN TRỊ NĂM 2013

1 HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

2 HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Báo cáo quản trị năm 2013

Hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT)

Thành viên và cơ cấu của HĐQT

- Ông Đặng Khắc Vỹ, Chủ tịch
- Ông Đặng Văn Sơn, Phó Chủ tịch
- Ông Hàn Ngọc Vũ, Thành viên
- Ông Đỗ Xuân Hoàng, Thành viên
- Ông Trần Nhất Minh, Thành viên
- Ông Ronald Wayne Hoy, Thành viên
- Ông Garry Lynton Mackrell, Thành viên
- Ông Bradley Charles Lalonde, Thành viên

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

- Ủy ban Nhân sự
- Ủy ban Quản trị rủi ro

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Đại hội đồng cổ đông VIB năm 2013 đã tiến hành bầu HĐQT và BKS nhiệm kỳ VI (2013 - 2016) bao gồm 8 thành viên HĐQT (trong đó có 1 thành viên độc lập) và 3 thành viên BKS (trong đó có 2 thành viên chuyên trách). Nhân sự của HĐQT và BKS trong nhiệm kỳ mới là tập thể gồm những thành viên có uy tín, có trình độ học vấn và năng lực chuyên môn cao về lĩnh vực tài chính, ngân hàng, có kinh nghiệm quản lý và có nhiều đóng góp hiệu quả vào sự phát triển của ngân hàng, đảm bảo sự ổn định và tính kế thừa, góp phần nâng cao năng lực quản trị ngân hàng trong giai đoạn mới.

Trong năm 2013, tập thể HĐQT luôn tích cực tham gia đóng góp ý kiến, đưa ra các khuyến nghị nhằm góp phần nâng cao hoạt động quản trị, xây dựng định hướng chiến lược cho ngân hàng. HĐQT đã tổ chức 05 phiên họp định kỳ trực tiếp theo quy định của pháp luật và Điều lệ VIB. Bên cạnh đó, HĐQT cũng đã tích cực cho ý kiến thảo luận và ban hành trên 90 nghị quyết thông qua phương thức gửi Phiếu xin ý kiến về nhiều lĩnh vực hoạt động, kinh doanh của ngân hàng, tập trung vào các lĩnh vực trọng điểm như: (i) Tăng trưởng kinh doanh, (ii) Tăng cường công tác quản trị rủi ro, (iii) Nâng cao hiệu quả làm việc, qua đó kịp thời hỗ trợ cho Ban điều hành trong việc thực hiện triển khai Kế hoạch kinh

doanh đã đề ra.

Một số hoạt động chính trong công tác quản trị năm 2013: Trong năm 2013, HĐQT đã ban hành nhiều văn bản, quy định quan trọng đối với hoạt động quản trị, đồng thời thực hiện các hoạt động nhằm cải thiện và nâng cao cơ chế quản trị doanh nghiệp của VIB, bao gồm:

- Từng bước tăng cường vai trò của 02 ủy ban của HĐQT là Ủy ban Nhân sự và Ủy ban Quản trị rủi ro trong việc tư vấn, hỗ trợ cho HĐQT trong quá trình ra quyết định; Tăng cường vai trò và sự đóng góp thường xuyên của các Thành viên HĐQT trong hoạt động của HĐQT và hoạt động của Ngân hàng.
 - HĐQT đã có những hoạt động góp phần quan trọng thúc đẩy văn hóa doanh nghiệp theo mục tiêu chuyển đổi của VIB, hướng tới văn hóa kinh doanh dịch vụ và văn hóa hiệu quả công việc, đề cao tính tuân thủ nhất quán với các giá trị cốt lõi và chuẩn mực đạo đức của ngân hàng.
 - Phê duyệt kế hoạch cơ cấu lại của VIB giai đoạn 2013 - 2015 và có báo cáo gửi Ngân hàng nhà nước;
 - Thực hiện một số thay đổi trong cơ cấu tổ chức của nhiều bộ phận trong Ngân hàng nhằm tối ưu hóa đội ngũ cán bộ nhân viên, tinh giản bộ máy hoạt động.
- Bên cạnh các hoạt động quản trị truyền thống, năm 2013, HĐQT cũng luôn hỗ trợ tích cực cho Ban điều hành trên nhiều lĩnh vực trọng tâm và thiết yếu như:
- Thúc đẩy các quan hệ kinh doanh, tăng cường tiếp xúc và duy trì mối quan hệ gắn bó với nhiều khách hàng lớn, trọng điểm.
 - Hỗ trợ quản trị quan hệ với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, các định chế, tổ chức tài chính quốc tế.
 - Quản trị công ty VIB-NGT để triển khai các phương án kinh doanh, khai thác sử dụng tòa nhà CornerStone.
 - Quản trị công ty VIB AMC nhằm hỗ trợ tối ưu cho hoạt động tín dụng của VIB, tăng cường khả năng quản lý tài sản, định giá tài sản thế chấp và bán tài sản thu hồi nợ của ngân hàng.
 - Đặc biệt, trong bối cảnh thị trường đang diễn biến xấu và nợ quá hạn tăng cao trên phạm vi toàn ngành, HĐQT, thông qua Hội đồng xử lý rủi ro, đã kịp thời đưa ra các

quyết định quan trọng hỗ trợ Ban điều hành trong công tác quản trị và xử lý nợ xấu.

Hoạt động của Ban kiểm soát

Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

Ông Trịnh Thanh Bình, Trưởng BKS

Bà Nguyễn Lương Thị Bích Thủy, Thành viên BKS

Ông Daniel Andrew Bilski, Thành viên BKS

Hoạt động của Ban kiểm soát

- Trong năm 2013, đã có sự thay đổi thành viên Ban kiểm soát (BKS). Cụ thể, Bà Nguyễn Lương Thị Bích Thủy đã được ĐHĐCĐ 2013 bầu thay thế cho ông Phạm Quang Vinh xin từ nhiệm vào tháng 4/2013. Thành phần BKS gồm 3 thành viên, trong đó, 02 thành viên chuyên trách là ông Trịnh Thanh Bình, Trưởng ban và bà Nguyễn Lương Thị Bích Thủy, 01 thành viên không chuyên trách là ông Daniel Andrew Bilski.
- Thông qua công tác kiểm tra giám sát, BKS đã có ý kiến để xuất kịp thời với HĐQT và BĐH các lĩnh vực, hoạt động rủi ro để có các chính sách và quyết định kịp thời trong quản trị ngân hàng. Từ cuối năm 2012, HĐQT đã đề nghị BKS

trực tiếp xây dựng và tăng cường vai trò trong việc triển khai công tác phòng chống tham nhũng. Kết quả đã thành lập phòng Điều tra nội bộ, với 04 nhân sự có thâm niên kinh nghiệm trong ngành an ninh và cảnh sát, đã thực hiện điều tra phát hiện xử lý các vụ việc tiêu cực, góp phần xây dựng văn hóa liêm chính và tuân thủ trong hệ thống VIB. Trong hơn một năm triển khai, đã điều tra xử lý 66 vụ việc. Các vụ việc phức tạp có tính chất vi phạm pháp luật hình sự, đều tố cáo ra cơ quan công an điều tra khởi tố, xử lý nghiêm theo quy định pháp luật.

- Trực tiếp chỉ đạo công tác kiểm toán nội bộ, tập trung vào công tác kiểm toán xác định sai phạm, rủi ro và đảm bảo sự tuân thủ trên toàn hệ thống. BKS trực tiếp tham gia các đoàn điều tra, kiểm toán đối với các sự vụ có tính chất nghiêm trọng, trực tiếp rà soát phê duyệt các báo cáo điều tra, kiểm toán. Soát xét thường niên báo cáo tài chính của VIB và tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT theo quy định pháp luật.
- Xây dựng hệ thống kiểm soát ba tầng trong đó KTNB là tầng kiểm soát cuối cùng, đưa ý kiến đánh giá độc lập về tính tuân thủ, rủi ro, cũng như hiệu quả của các tầng kiểm soát thứ hai (các khối ban hội sở, hệ thống kiểm soát nội bộ) và tầng kiểm soát thứ nhất (đơn vị kinh doanh).

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

1 Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

2 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Giấy phép hoạt động ngân hàng

Số 0060/NH-GP

Cấp ngày 25 tháng 1 năm 1996

Giấy phép hoạt động Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và có thời hạn 99 năm kể từ ngày cấp.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh

Số 0100233488

Cấp ngày 14 tháng 2 năm 1996

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Ngân hàng đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh cuối cùng là giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100233488 ngày 5 tháng 3 năm 2014. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Khắc Vỹ

Chủ tịch

Ông Đặng Văn Sơn

Phó Chủ tịch

Ông Hàn Ngọc Vũ

Thành viên

Ông Đỗ Xuân Hoàng

Thành viên

Ông Trần Nhất Minh

Thành viên

Ông Ronald Wayne Hoy

Thành viên

Ông Garry Lynton Mackrell

Thành viên

Ông Bradley Charles Lalonde

Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Hàn Ngọc Vũ

Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 16/09/2013)

Bà Đàm Bích Thủy

Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23/05/2013
và miễn nhiệm ngày 16/09/2013)

Bà Dương Thị Mai Hoa

Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 31/01/2013)

Ông Trần Nhất Minh

Phó Tổng Giám đốc

Ông Lê Quang Trung

Phó Tổng Giám đốc kiêm

Giám đốc Khối Nguồn vốn và Ngoại hối

Ông Loic Faussier

Phó Tổng Giám đốc kiêm

Giám đốc Khối Quản trị rủi ro

Ông Ân Thanh Sơn

Phó Tổng Giám đốc kiêm

Giám đốc Ban Pháp chế và Quản trị doanh nghiệp
(bổ nhiệm ngày 14/08/2013)

Ông Vivek Chand

Phó Tổng Giám đốc kiêm

Giám đốc Khối Khách hàng doanh nghiệp
(miễn nhiệm ngày 30/06/2013)

Ông Hồ Văn Long

Giám đốc Tài chính

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Người đại diện theo pháp luật

Ông Hàn Ngọc Vũ

Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Tầng 1, 6 và 7 Tòa nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh,
Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Ý kiến của kiểm toán viên



Kính gửi các Cổ đông

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam (“Ngân hàng”) và các công ty con (gọi chung là “VIB”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Hội đồng Quản trị Ngân hàng phê duyệt phát hành ngày 26 tháng 3 năm 2014, được trình bày từ trang 6 đến 65.

Trách nhiệm của BGD đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 13-02-100/3



Trần Đình Vinh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0339-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2014

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của VIB tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Nguyễn Minh Hiếu

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 1572-2013-007-1

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12 /2013

Đơn vị: Triệu VND

	31/12/2013	31/12/2012
A TÀI SẢN		
I Tiền mặt và vàng	572.546	721.140
II Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	1.065.667	1.932.929
III Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	7.966.703	7.375.719
1 Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	6.423.698	6.420.325
2 Cho vay các tổ chức tín dụng khác	1.554.750	968.480
3 Dự phòng rủi ro cho vay các tổ chức tín dụng khác	(11.745)	(13.086)
V Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	25.783	-
VI Cho vay khách hàng	34.313.126	33.313.035
1 Cho vay khách hàng	35.238.517	33.887.202
2 Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(925.391)	(574.167)
VII Chứng khoán đầu tư	21.595.261	13.795.143
1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	21.311.835	13.812.584
2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	295.426	-
3 Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	(12.000)	(17.441)
VIII Góp vốn, đầu tư dài hạn	177.442	183.553
4 Đầu tư dài hạn khác	245.388	249.878
5 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(67.946)	(66.325)
IX Tài sản cố định	364.845	403.744
1 Tài sản cố định hữu hình	273.455	195.384
a Nguyên giá	592.943	507.738
b Giá trị hao mòn lũy kế	(319.488)	(312.354)
3 Tài sản cố định vô hình	91.390	208.360
a Nguyên giá	208.645	307.184
b Giá trị hao mòn lũy kế	(117.255)	(98.824)
X Bất động sản đầu tư	852.722	24.403
a Nguyên giá bất động sản đầu tư	875.748	24.403
b Giá trị hao mòn lũy kế	(23.026)	-
XI Tài sản Có khác	9.940.575	7.273.740
1 Các khoản phải thu	8.919.486	6.038.719
2 Các khoản lãi, phí phải thu	832.647	1.116.114
3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	257	330
4 Tài sản có khác	323.603	220.775
5 Dự phòng cho các tài sản có khác	(135.418)	(102.198)
TỔNG TÀI SẢN	76.874.670	65.023.406

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12 /2013

Đơn vị: Triệu VND

	31/12/2013	31/12/2012
B NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		
NỢ PHẢI TRẢ		
I Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	998.045	1.913.899
II Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	19.036.314	11.244.628
1 Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	6.955.134	3.616.236
2 Vay các tổ chức tín dụng khác	12.081.180	7.628.392
III Tiền gửi của khách hàng	43.239.428	39.061.259
IV Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ phải trả tài chính khác	-	10.039
V Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	455.944	390.163
VI Phát hành giấy tờ có giá	308	1.000.599
VII Các khoản nợ khác	5.162.005	2.967.115
1 Các khoản lãi, phí phải trả	524.533	444.440
2 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	21.870	14.247
3 Các khoản phải trả và công nợ khác	4.600.384	2.492.554
4 Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng	15.218	15.874
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	68.892.044	56.587.702
VỐN CHỦ SỞ HỮU		
VIII Vốn và các quỹ	7.982.626	8.371.463
1 Vốn	6.802.951	6.802.951
a Vốn cổ phần	4.250.000	4.250.000
b Thặng dư vốn cổ phần	2.552.958	2.552.958
c Cổ phiếu quỹ	(7)	(7)
2 Các quỹ	1.113.793	1.038.179
5 Lợi nhuận chưa phân phối	65.882	530.333
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	7.982.626	8.371.463
IX LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	-	64.241
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ, VỐN CHỦ SỞ HỮU VÀ LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	76.874.670	65.023.406

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12 /2013

Đơn vị: Triệu VND

	31/12/2013	31/12/2012
I CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		
NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN		
2 Thư tín dụng	806.690	725.621
3 Bảo lãnh khác	1.300.830	1.328.731
II CAM KẾT KHÁC		
1 Cam kết cho vay chưa giải ngân	1.786.944	2.132.416

Người lập



Trần Thị Thanh Trà
Giám đốc
Phòng Kế toán Tổng hợp

Người soát xét



Hồ Văn Long
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt



Hàn Ngọc Vũ
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2014

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31/12/2013

Đơn vị: Triệu VND

	2013	2012
1 Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	4.790.141	8.710.770
2 Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(2.854.483)	(5.722.070)
I Thu nhập lãi thuần	1.935.658	2.988.700
3 Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	253.952	233.141
4 Chi phí hoạt động dịch vụ	(89.408)	(106.201)
II Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	164.544	126.940
III Lãi thuần từ kinh doanh ngoại hối	23.026	38.199
V Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	233.446	(31.110)
5 Thu nhập từ hoạt động khác	248.645	414.010
6 Chi phí hoạt động khác	(96.743)	(284.163)
VI Lãi thuần từ hoạt động khác	151.902	129.847
VII Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	5.070	8.410
VIII Chi phí hoạt động	(1.561.497)	(1.816.259)
IX Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	952.149	1.444.727
X Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(871.058)	(743.964)
XI Tổng lợi nhuận trước thuế	81.091	700.763
7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(23.147)	(165.863)
8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(7.696)	(14.511)
XII Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(30.843)	(180.374)
XIII Lợi nhuận sau thuế	50.248	520.389
XIV Lợi ích của cổ đông thiểu số	-	(2.824)
Lợi nhuận sau thuế thuộc về các cổ đông của Ngân hàng	50.248	523.213
XV Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	118	1.231

Người lập



Trần Thị Thanh Trà
Giám đốc
Phòng Kế toán Tổng hợp

Người soát xét



Hồ Văn Long
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt



Hân Ngọc Vũ
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2014

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31/12/2013

Đơn vị: Triệu VND

	2013	2012
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01 Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	5.073.608	8.936.474
02 Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(2.774.390)	(6.202.007)
03 Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	78.173	126.940
04 Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ và chứng khoán	252.652	14.290
05 Thu nhập khác	238.273	129.847
07 Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(1.466.083)	(1.792.664)
08 Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm	(92.036)	(106.481)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ phải trả hoạt động	1.310.197	1.106.399
Những thay đổi về tài sản hoạt động		
09 Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	3.415.548	5.481.620
10 Chứng khoán đầu tư	(7.794.677)	6.639.967
11 Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	(25.783)	-
12 Cho vay khách hàng	(6.611.182)	5.986.099
13 Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản nợ xấu	(421.475)	(432.866)
14 Tài sản hoạt động khác	1.899.964	(1.809.853)
Những thay đổi về nợ phải trả hoạt động		
15 Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	(915.854)	1.015.747
16 Tiền gửi và vay từ các tổ chức tín dụng khác	7.791.686	(17.452.725)
17 Tiền gửi của khách hàng	4.178.169	(5.087.867)
18 Phát hành giấy tờ có giá	(1.000.291)	(12.338.933)
19 Các khoản vốn tài trợ, ủy thác, đầu tư cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	65.781	28.467
20 Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ phải trả tài chính khác	(10.039)	2.028
21 Nợ phải trả hoạt động khác	2.080.128	2.050.087
I LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	3.962.172	(14.811.830)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31/12/2013

Đơn vị: Triệu VND

	2013	2012
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
01 Mua sắm tài sản cố định	(134.318)	(132.077)
02 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	4.816	5.092
04 (Mua sắm)/thanh lý bất động sản đầu tư	(427.895)	13.516
07 Tiền thu đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	4.490	32.619
09 Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	5.070	8.410
II LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	(547.837)	(72.440)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
04 Cổ tức trả cho cổ đông	(425.000)	(297.500)
III LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	(425.000)	(297.500)
IV LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG NĂM	2.989.335	(15.181.770)
V TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU NĂM	5.072.576	20.254.346
VI TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM	8.061.911	5.072.576

Người lập



Trần Thị Thanh Trà
Giám đốc
Phòng Kế toán Tổng hợp

Người soát xét



Hồ Văn Long
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt



Hạm Ngọc Vũ
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2014

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31/12/2013

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Đơn vị báo cáo

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) là một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép hoạt động Ngân hàng số 006/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNNVN”) cấp ngày 25 tháng 1 năm 1996 và Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0100233488 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 14 tháng 2 năm 1996.

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn, trung và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cung cấp tín dụng ngắn, trung và dài hạn dựa trên tính chất và khả năng cung ứng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán và ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNNVN cho phép; thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, vốn cổ phần của Ngân hàng là 4.250.000.000.000 Đồng Việt Nam. Mệnh giá của một cổ phần là 10.000 Đồng.

Hội sở chính của Ngân hàng đặt tại Tầng 1, 6 và 7 Toà nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Ngân hàng có 151 đơn vị kinh doanh bao gồm một (1) Hội sở chính, một (1) Sở giao dịch, bốn mươi tám (48) chi nhánh, chín mươi bảy (97) phòng giao dịch, bốn (4) quỹ tiết kiệm trên cả nước và hai (2) công ty con.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Ngân hàng có hai (2) công ty con như sau:

1. Tên công ty: Công ty TNHH một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam (VIB AMC).

Giấy phép hoạt động: 0104009004 ngày 29 tháng 12 năm 2009 cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội.

Lĩnh vực hoạt động: Quản lý Nợ và Tài sản.

Tỷ lệ sở hữu của Ngân hàng: 100%.

2. Tên công ty: Công ty TNHH VIBank - Ngô Gia Tự.

Giấy phép hoạt động: 0101751475 ngày 19 tháng 2 năm 2014 cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội.

Lĩnh vực hoạt động: Đầu tư xây dựng công trình dân dụng.

Tỷ lệ sở hữu của Ngân hàng: 100%.

Ngân hàng và các công ty con sau đây gọi chung là “VIB”.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, VIB có 3.349 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 3.748 nhân viên).

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do NHNNVN ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chuẩn mực và nguyên tắc kế toán này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam.

Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp trực tiếp.

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của VIB là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của VIB là Đồng Việt Nam ("VND"). Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng VND, được làm tròn đến hàng triệu gần nhất ("Triệu VND").

Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được VIB áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này.

Cơ sở hợp nhất**Các công ty con**

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Ngân hàng. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư nội bộ, lợi nhuận chưa thực hiện trên giao dịch nội bộ giữa các công ty con và Ngân hàng được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ, ngoại trừ trường hợp giao dịch thể hiện sự giảm giá của tài sản được chuyển giao. Các chính sách kế toán của các công ty con cũng được thay đổi khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được Ngân hàng áp dụng.

Ngoại tệ

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra VND theo tỷ giá áp dụng tại ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra VND theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài khoản kinh doanh ngoại tệ vào thời điểm lập báo cáo tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các giao dịch liên

quan đến thu nhập/chi phí bằng ngoại tệ được hạch toán bằng VND trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, vàng, tiền gửi tại NHNNVN, tín phiếu Chính phủ và các giấy tờ có giá khác đủ điều kiện chiết khấu, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác và chứng khoán đầu tư với kỳ hạn gốc đến ngày đáo hạn không quá 3 tháng.

Vàng được đánh giá lại tại thời điểm lập báo cáo tài chính và chênh lệch do đánh giá lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chứng khoán đầu tư**Phân loại**

Chứng khoán đầu tư được phân loại theo hai loại: chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn và chứng khoán sẵn sàng để bán. Ngân hàng phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 14 tháng 4 năm 2009, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, Ngân hàng được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi mua.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn: là chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, mà VIB có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán: là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn hoặc chứng khoán khác được giữ trong thời gian không ấn định trước và có thể được bán trong mọi thời điểm.

Ghi nhận

VIB ghi nhận chứng khoán đầu tư vào ngày VIB trở thành một bên đối tác của các điều khoản hợp đồng đối với các chứng khoán này (kế toán theo ngày giao dịch).

Đo lường

Nếu là chứng khoán nợ, chứng khoán đầu tư được ghi nhận

ban đầu theo giá gốc, bao gồm các chi phí giao dịch và các chi phí có liên quan trực tiếp khác. Sau đó, chứng khoán nợ được ghi nhận theo giá gốc được phân bổ (chịu tác động của việc phân bổ giá trị chiết khấu và giá trị phụ trội) trừ đi dự phòng giảm giá. Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của chứng khoán đó.

Nếu là chứng khoán vốn, chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc; sau đó được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá trị trên sổ sách và giá trị thị trường với lỗ giảm giá được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán được tính theo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và giá bình quân tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chứng khoán vốn chưa được niêm yết nhưng được đăng ký giao dịch trên thị trường của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán được tính theo giá bình quân của ba báo giá của ba công ty chứng khoán lớn, có vốn điều lệ trên 300 tỷ Đồng. Chứng khoán vốn được lập dự phòng giảm giá chứng khoán khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường xác định theo quy định tại Thông tư số 228/2009-TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 (“Thông tư 228”) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 (“Thông tư 89”). Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ không được trích lập dự phòng.

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán tính theo giá trị thị trường của

chứng khoán. Trong trường hợp không có giá trị thị trường của chứng khoán hoặc không thể được xác định một cách đáng tin cậy, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá gốc.

Lãi sau khi mua của chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

Các khoản đầu tư dài hạn

Phân loại

Đầu tư vào công ty liên kết, công ty liên doanh: Công ty liên kết là doanh nghiệp mà VIB có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể, nhưng không nắm quyền chi phối đối với các chính sách và hoạt động. Theo Luật các Tổ chức Tín dụng, công ty liên kết là công ty trong đó VIB hoặc VIB và những người liên quan của VIB sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc trên 11% vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con của VIB.

Công ty liên doanh là công ty mà VIB có quyền đồng kiểm soát, được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí giữa các bên liên doanh đối với các quyết định tài chính và hoạt động.

Các khoản đầu tư dài hạn: Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản góp vốn dài hạn vào các công ty khác mà VIB không nắm quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty này.

Ghi nhận

VIB ghi nhận đầu tư vào ngày VIB trở thành một bên đối tác của các điều khoản hợp đồng đối với các khoản đầu tư này (kể toán theo ngày giao dịch).

Đo lường

Các khoản đầu tư dài hạn này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vốn dài hạn vào các tổ

chức kinh tế sẽ được trích lập trong trường hợp các tổ chức kinh tế này bị lỗ (ngoại trừ trường hợp lỗ được dự kiến trước trong kế hoạch kinh doanh của các tổ chức này trước khi đầu tư) theo quy định tại Thông tư 228 và Thông tư 89.

Các khoản cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được trình bày theo số dư nợ gốc trừ đi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản có thời hạn cho vay dưới 1 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay từ 1 năm đến 5 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên 5 năm tính từ ngày giải ngân.

Theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN của NHNNVN ngày 22 tháng 4 năm 2005 (“Quyết định 493”), được sửa đổi và bổ sung bằng Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN của NHNNVN ngày 25 tháng 4 năm 2007 (“Quyết định 18”), dự phòng cụ thể cần được lập cho các khoản cho vay trên cơ sở hàng quý dựa trên việc xếp hạng cho các khoản cho vay.

Dự phòng cụ thể các khoản cho vay tại ngày kết thúc niên độ kế toán được xác định dựa trên việc sử dụng các tỷ lệ dự phòng sau đây đối với khoản nợ vay gốc tại ngày 30 tháng 11 sau khi đã trừ đi giá trị tài sản đảm bảo được khấu trừ theo tỷ lệ quy định của NHNNVN.

<i>Nhóm nợ</i>	<i>Tỷ lệ dự phòng</i>
• Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
• Nhóm 2 - Nợ cần chú ý	5%
• Nhóm 3 - Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
• Nhóm 4 - Nợ nghi ngờ	50%
• Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn	100%

Việc phân loại nhóm nợ cũng như cơ sở xác định giá trị và giá trị khấu trừ của từng loại tài sản đảm bảo được quy định trong Quyết định 493 và Quyết định 18.

Theo Quyết định 493, các khoản cho vay khách hàng được xử lý bằng dự phòng khi các khoản cho vay khách hàng đã được phân loại vào Nhóm 5 hoặc khi người vay tuyên bố phá sản hoặc giải thể (đối với trường hợp khách hàng vay là tổ chức hoặc doanh nghiệp), hoặc khi người vay chết hoặc mất tích (đối với trường hợp khách hàng vay là cá nhân).

Thực hiện Quyết định số 780/QĐ-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 23 tháng 4 năm 2012 (“Quyết định 780”), các khoản nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ mà Ngân hàng đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng có chiều hướng tích cực và có khả năng trả nợ tốt sau khi điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ được giữ nguyên nhóm nợ như đã được phân loại theo quy định trước khi điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ.

VIB cũng phải trích lập và duy trì khoản dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị số dư nợ cho vay khách hàng được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4 tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Dự phòng rủi ro cho vay các tổ chức tín dụng khác

Theo Thông tư số 21/2012/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2012 về hoạt động cho vay, đi vay; mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, dự phòng rủi ro cho vay các tổ chức tín dụng khác được trích lập theo quy định tại Quyết định 493 và Quyết định 18. Chính sách dự phòng rủi ro cho vay các tổ chức tín dụng khác tương tự như chính sách dự phòng rủi ro cho vay khách hàng như được trình bày trong Thuyết minh số 3(f).

Dự phòng cho các khoản mục ngoại bảng

Theo Quyết định 18, VIB phân loại các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và các cam kết cho vay chưa thực hiện không hủy ngang vô điều kiện vào năm nhóm (Thuyết minh 3(f)) và lập dự phòng cụ thể tương ứng. Tỷ lệ trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản mục này giống với tỷ lệ trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay khách hàng.

Ngoài ra, theo Quyết định 493, VIB cũng phải trích lập và duy trì khoản dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị số dư các cam kết bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và các cam kết cho vay chưa thực hiện không hủy ngang vô điều kiện tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Công cụ tài chính phái sinh

Các công cụ tài chính phái sinh được ghi nhận vào các tài

khoản trên bảng cân đối kế toán tại ngày hiệu lực của các hợp đồng và được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái cuối năm. Lãi hoặc lỗ từ các công cụ tài chính phái sinh được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công cụ tài chính phái sinh được phân loại là tài sản tài chính phái sinh khi giá trị được ghi nhận là dương và nợ phải trả tài chính phái sinh khi giá trị được ghi nhận là âm.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm chi phí phát sinh. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian trích khấu hao ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian trích khấu hao ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 25 năm
- Thiết bị văn phòng 5 - 10 năm
- Phương tiện vận tải 6 năm
- Tài sản cố định khác 2 - 7 năm

Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử

dụng đất;

- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn sử dụng đất.

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5-8 năm.

Các tài sản khác

Tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi phân bổ lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng.

Bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì

các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian trích khấu hao ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian trích khấu hao ước tính như sau:

- Quyền sử dụng đất có thời hạn 50 năm
- Nhà cửa 20 năm

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất vô thời hạn không được phân bổ.

Các khoản phải thu khác

Các khoản nợ phải thu khác ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro trong thời gian tiếp theo.

Các khoản nợ phải thu khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào “Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng” trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, VIB áp dụng mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư 228 như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
• Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
• Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
• Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
• Từ ba (03) năm trở lên	100%

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên kết và liên doanh. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của

lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của VIB trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Dự phòng khác

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, VIB có nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai theo tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm liên quan trực tiếp đến giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được tiền góp vốn từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ

Khi Ngân hàng mua lại cổ phiếu đã phát hành, tổng số tiền thanh toán, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp cho việc mua lại cổ phiếu, sau khi trừ các ảnh hưởng về thuế, sẽ được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu.

Các quỹ dự trữ

Ngân hàng

Trước khi phân phối lợi nhuận, Ngân hàng phải lập các quỹ dự trữ sau.

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần:
Phân phối hàng năm: 5% lợi nhuận sau thuế
Số dư tối đa: Vốn cổ phần
- Quỹ dự phòng tài chính:
Phân phối hàng năm: 10% lợi nhuận sau thuế còn lại
Số dư tối đa: 25% vốn cổ phần

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế. Việc phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và việc sử dụng các quỹ khác phải được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt. Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu, ngoài các quỹ dự trữ theo luật định nêu trên, không được quy định bởi luật pháp và được phép phân phối hết.

Trong năm 2013, Ngân hàng đã thực hiện trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.

Các công ty con

- Công ty TNHH một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản - Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc Tế Việt Nam
Theo Thông tư số 27/2002/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 3 năm 2002, việc trích lập các quỹ trước khi phân phối lợi nhuận còn lại được công ty thực hiện tương tự như Ngân hàng.
- Công ty TNHH VIBank - Ngô Gia Tự
Việc trích lập các quỹ trước khi phân phối lợi nhuận của công ty do Ngân hàng quyết định.

Ghi nhận doanh thu

Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ tiền lãi chưa thu từ các khoản cho vay được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 nêu trong Thuyết minh 3(f) được ghi nhận khi VIB thực thu được lãi.

Thu nhập phí và hoa hồng

Thu nhập từ phí và hoa hồng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức bằng tiền mặt được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức của VIB được xác định.

Theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành, cổ tức nhận dưới dạng cổ phiếu, các khoản được chia bằng cổ phiếu từ lợi nhuận của các công ty cổ phần không được ghi nhận trong báo cáo tài chính mà chỉ được ghi tăng số lượng cổ phiếu của công ty đó do VIB nắm giữ.

Chi phí lãi

Chi phí lãi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo cơ sở dồn tích.

Các khoản thanh toán thuế hoạt động

Các khoản thanh toán thuế hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận và đã chi trả được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc năm kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi

số của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận tương ứng với mức lợi nhuận chịu thuế chắc chắn trong tương lai mà lợi nhuận đó có thể dùng để khấu trừ với tài sản thuế thu nhập này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn thu được các lợi ích về thuế liên quan này.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Ngân hàng trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Ngân hàng chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của VIB tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của VIB là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý.

Các khoản mục ngoại bảng

Các hợp đồng ngoại hối

VIB ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của VIB.

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết để mua hoặc bán một loại tiền tệ nhất định tại một ngày cụ thể được xác định

trong tương lai theo một tỷ giá xác định trước và sẽ được thanh toán bằng tiền. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái tại thời điểm cuối năm. Lãi hoặc lỗ đã hoặc chưa thực hiện được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các hợp đồng hoán đổi là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa.

Các cam kết và nợ tiềm ẩn

VIB có các cam kết tín dụng phát sinh từ hoạt động cho vay đối với các khoản cho vay được gia hạn. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. VIB cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh cho nghĩa vụ của khách hàng đối với bên thứ ba. Nhiều khoản cam kết và nợ tiềm ẩn sẽ đáo hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó, các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không phản ánh các cam kết chắc chắn về các luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

Phân loại tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính cho mục đích thuyết minh thông tin

Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của VIB và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, VIB phân loại các công cụ tài chính như sau:

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được VIB phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, VIB xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà VIB có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được VIB xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các tài sản tài chính đã được VIB xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- Các khoản mà VIB có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được VIB xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được VIB xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng

để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- Các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được VIB phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - Được phát sinh chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, VIB xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài

chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

Đo lường giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý thể hiện giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi hoặc một khoản nợ phải trả có thể được thanh toán giữa các bên có sự hiểu biết và sẵn lòng thực hiện giao dịch trên cơ sở ngang giá tại ngày hạch toán.

Khi tồn tại một thị trường hoạt động, VIB xác định giá trị hợp lý của một công cụ tài chính bằng giá niêm yết trên thị trường hoạt động của công cụ đó. Một thị trường được coi là thị trường hoạt động nếu giá niêm yết thường xuyên có sẵn và phản ánh các giao dịch thực tế và thường xuyên phát sinh trên thị trường.

